TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 06-3-2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Đức Trường;

Bà Vương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông An Viết Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Vị Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**. Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện S, tỉnh V. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc A**. Địa chỉ: Tổ 01, thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc A trước khi kết hôn được tìm hiểu nhau, đã về sống chung với nhau từ tháng 7/2005 đến ngày 10/02/2006 anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, chị N và anh A chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm, đến tháng 10/2007, chị N và anh A phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh A nhiều lần chửi bới xúc phạm, đánh đập chị N và đuổi mẹ con chị đi, vì vậy chị N phải dắt theo các con về nhà ngoại sống. Chị N và anh A đã sống ly thân từ tháng 9/2014

cho đến nay. Chị N thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh A để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh A có ba con chung:

1. Cháu Nguyễn Thanh T - Sinh ngày 16/9/2006;

2. Cháu Nguyễn Thị M - Sinh ngày 28/9/2011;

3. Cháu Nguyễn Quốc Đ - Sinh ngày 15/8/2013.

Hiện tại cả ba cháu đang ở với chị N tại thôn X, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị N có quan điểm sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba cháu T, M, Đ đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ số tiền **1.000.000đ/tháng** đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N, anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2019 và quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Quốc A trình bày: Anh A đã nhận được toàn bộ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khởi kiện tại Tòa án (bản photo) do chị N gửi trực tiếp cho anh. Về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân, về con chung, tài sản chung, công nợ chung, anh A xác nhận đúng như chị N trình bày. Nay chị N có đơn xin ly hôn với anh để mỗi người có một cuộc sống riêng, anh hoàn toàn nhất trí.Về tài sản chung và công nợ chung không có nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về con chung: Anh A có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và cháu Đ đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh A không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi cháu M, cháu Đ.

Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định:

[1] Căn cứ **:**

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[2] Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Quốc A.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quốc A ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/9/2006; cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 28/9/2011; cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 15/8/2013 cho chị Nguyễn Thị N – Địa chỉ: Km 100, tổ 01, thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T, cháu M, cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 12/11/2019. Anh Nguyễn Quốc A có quyền thăm nom các con sau khi ly hôn.

Buộc anh Nguyễn Quốc A phải cấp dưỡng hàng tháng số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, nuôi cháu Nguyễn Quốc Đ - Sinh ngày 15/8/2013 đến khi cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 12/11/2019.

Chị Nguyễn Thị N, địa chỉ: Km100, tổ 01, thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 25/11/2019, bị đơn anh Nguyễn Quốc A có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí ly hôn với lý do anh không được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị M và cháu Nguyễn Quốc Đ cho đến khi đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Quốc A giữ nguyên nội dung kháng cáo, anh A trình bày, hiện nay chị N đã đi lấy chồng, không có nhà cửa, không đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu M, Đ trưởng thành; anh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét để anh là người nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và cháu Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm về vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Chị N hiện nay ở nhờ nhà mẹ đẻ của chị N, anh A ở nhờ nhà bố mẹ đẻ của anh A, hai anh chị đều chưa có nhà riêng; về thu nhập chị N có thu nhập hàng tháng là 10.000.000đ; anh A có thu nhập hàng tháng là 5.000.000đ nhưng không ổn định; với mức thu nhập của chị N nuôi 3 cháu T, M, Đ đang độ tuổi ăn học là không đảm bảo. Tại phiên tòa phúc thẩm anh A có nguyện vọng được nuôi cháu Đ, với mức thu nhập của anh A đảm bảo điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ; do đó cần chấp nhận kháng cáo của anh A.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Quốc A, sửa Bản án sơ thẩm số 34 /2019/ST-HNGĐ ngày 12/11/ 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang theo hướng: Giao cháu Nguyễn Quốc Đ cho anh Nguyễn Quốc A chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ.

Anh Nguyễn Quốc A không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, trả lại cho anh A số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện V, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Quốc A kháng cáo không nhất trí ly hôn với chị N, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho anh A được nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Nguyễn Thị M và cháu Nguyễn Quốc Đ đến khi các cháu đủ 18 tuổi, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quốc A chung sống với nhau từ tháng 7/2005 và đăng ký kết hôn ngày 10/02/2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang; nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh A là hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng trong việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi nhau; chị N và anh A đã sống ly thân từ tháng 9/2014 cho đến nay; quá trình lấy lời khai và tại phiên tòa cấp sơ thẩm, anh A đều nhất trí ly hôn với chị N để hai người có cuộc sống riêng. Xét thấy, mục đích hôn nhân của chị N và anh A không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh A là phù hợp, đúng pháp luật.

Về tranh chấp nuôi con chung: Cháu Nguyễn Thị M sinh ngày 28/9/2011, cháu Nguyễn Quốc Đ sinh ngày 15/8/2013.Tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm cháu M được 08 tuổi 05 tháng 08 ngày, cháu Đ được 06 tuổi 06 tháng 21 ngày. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khi xem xét quyết định người trực tiếp nuôi con chung "nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Theo đơn trình bày nguyện vọng ngày 10/3/2019 của cháu Nguyễn Thị M, cháu M có nguyện vọng "Sau khi bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ" (bút lục số 13). Đối với cháu Nguyễn Quốc Đ, do cháu còn nhỏ cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ; mặt khác, khi chị N, anh A sống ly thân từ tháng 9 năm 2014, các cháu T, M, Đ chuyển về ăn học và sinh sống tại xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, anh A xác nhận anh không thăm hỏi, chăm sóc hay gửi tiền cho các con ăn học; việc học tập, ăn ở của các con chị N lo hết nên anh A không biết các cháu hiện nay đang học lớp mấy, ở đâu (bút lục số 55) và theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, xác nhận anh A không có thu nhập ổn định, nếu giao con cho anh A nuôi thì không bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dạy con sau khi ly hôn (bút lục số 34); tại phiên tòa sơ thẩm anh A xác nhận nội dung biên bản xác minh này là đúng và không có ý kiến gì (bút lục số 55). Tại phiên tòa phúc thẩm, anh A cũng thừa nhận hiện nay các cháu T, M, Đ đang ở và sinh hoạt ổn định tại nhà bà ngoại của các cháu ở Vĩnh Phúc và theo học tại các trường học ở xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các điều kiện để đảm bảo cho sự phát triển về tâm sinh lý, ăn, ở, học tập của các cháu M, Đ và xử giao cháu M, cháu Đ cho chị N trực tiếp chăm

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 12/11/2019 và buộc anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ với mức 1.000.000đ/tháng kể từ ngày 12//11/2019, chị N là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng; anh A có quyền thăm nom con sau khi ly hôn là hoàn toàn có căn cứ theo quy định của pháp luật cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu M được ở với mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh A có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi cháu Đ đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; tuy nhiên anh A không cung cấp được cho Hội đồng xét xử các tài liệu chứng cứ để chứng minh hiện nay chị N không có điều kiện chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ cũng như chứng minh về kinh tế, việc làm của anh A để đảm bảo các điều kiện cần thiết nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ đến khi cháu Đ trưởng thành; do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Quốc A giao cháu Nguyễn Quốc Đ cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là không có căn cứ. Cần bác nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Quốc A.

Nếu anh A có tài liệu chứng cứ để chứng minh chị N không có điều kiện đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và anh là người có đầy đủ các điều kiện về chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi thì anh A có quyền làm đơn đến Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Quốc A không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên anh A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quốc A. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 34/2019/HNGĐ-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Quốc A.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quốc A được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T - Sinh ngày 16/9/2006; cháu Nguyễn Thị M - Sinh ngày: 28/9/2011; cháu Nguyễn Quốc Đ - Sinh ngày 15/8/2013 cho chị Nguyễn Thị N – Địa chỉ: Km100, tổ 01, thôn V, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T, cháu M, cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 12/11/2019. Anh Nguyễn Quốc A có quyền thăm nom các con sau khi ly hôn.

Buộc anh Nguyễn Quốc A phải cấp dưỡng hàng tháng số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng nuôi cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 15/8/2013 đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 12/11/2019.

Chị Nguyễn Thị N, địa chỉ: Km100, tổ 01, thôn V, xã L huyện V, tỉnh Hà Giang là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ***trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.***

2. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 01175 ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

Anh Nguyễn Quốc A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền cấp dưỡng nuôi con.

- *Án phí phúc thẩm:* Anh Nguyễn Quốc A phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* được trấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh A đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 01971 ngày 06 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang. Anh A đã thi hành xong.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hánh án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND huyện V;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Loan